

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phụ lục IV
BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
KHỐI CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
	TỔNG CỘNG CẤP XÃ (A + B + C + D)	52.564	49.851	-2.713	
A	ĐVSNN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (I + II + III)	48.762	46.012	-2.750	
I	MÀM NON	16.684	16.093	-591	
1	PHƯỜNG HỒNG BÀNG	275	266	-9	
2	PHƯỜNG HỒNG AN	209	209	0	
3	PHƯỜNG NGÔ QUYỀN	124	115	-9	
4	PHƯỜNG GIA VIÊN	205	201	-4	
5	PHƯỜNG LÊ CHÂN	263	251	-12	
6	PHƯỜNG AN BIÊN	237	238	1	
7	PHƯỜNG KIẾN AN	212	204	-8	
8	PHƯỜNG PHÙ LIỄN	145	145	0	
9	PHƯỜNG HẢI AN	176	176	0	
10	PHƯỜNG ĐÔNG HẢI	109	109	0	
11	PHƯỜNG ĐỒ SƠN	105	102	-3	
12	PHƯỜNG NAM ĐỒ SƠN	98	90	-8	
13	PHƯỜNG DƯƠNG KINH	95	92	-3	
14	PHƯỜNG HƯNG ĐẠO	115	110	-5	
15	PHƯỜNG AN DƯƠNG	264	260	-4	
16	PHƯỜNG AN HẢI	179	174	-5	
17	PHƯỜNG AN PHONG	148	142	-6	
18	PHƯỜNG THỦY NGUYÊN	254	245	-9	
19	PHƯỜNG THIÊN HƯƠNG	155	151	-4	
20	PHƯỜNG HÒA BÌNH	177	175	-2	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
21	PHƯỜNG NAM TRIỆU	135	131	-4	
22	PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG	202	191	-11	
23	PHƯỜNG LƯU KIỂM	228	224	-4	
24	PHƯỜNG LÊ ÍCH MỘC	194	194	0	
25	XÃ VIỆT KHÊ	158	153	-5	
26	XÃ KIẾN THỤY	156	150	-6	
27	XÃ KIẾN MINH	85	85	0	
28	XÃ KIẾN HẢI	140	126	-14	
29	XÃ KIẾN HƯNG	96	93	-3	
30	XÃ NGHI DƯƠNG	101	98	-3	
31	XÃ AN LÃO	162	159	-3	
32	XÃ AN HƯNG	108	106	-2	
33	XÃ AN KHÁNH	119	115	-4	
34	XÃ AN QUANG	111	109	-2	
35	XÃ AN TRƯỜNG	116	115	-1	
36	XÃ TIÊN LÃNG	175	171	-4	
37	XÃ QUYẾT THẮNG	100	88	-12	
38	XÃ TÂN MINH	141	126	-15	
39	XÃ TIÊN MINH	139	124	-15	
40	XÃ CHẤN HƯNG	108	92	-16	
41	XÃ HÙNG THẮNG	107	96	-11	
42	XÃ VĨNH BẢO	196	195	-1	
43	XÃ NGUYỄN BÌNH KHIÊM	98	94	-4	
44	XÃ VĨNH AM	137	133	-4	
45	XÃ VĨNH HẢI	141	135	-6	
46	XÃ VĨNH HÒA	116	113	-3	
47	XÃ VĨNH THỊNH	112	111	-1	
48	XÃ VĨNH THUẬN	110	97	-13	
49	ĐẶC KHU CÁT HẢI	184	154	-30	
50	ĐẶC KHU BẠCH LONG VĨ	5	4	-1	
51	PHƯỜNG HẢI DƯƠNG	125	122	-3	
52	PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ	203	201	-2	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
53	PHƯỜNG VIỆT HÒA	142	138	-4	
54	PHƯỜNG THÀNH ĐÔNG	136	133	-3	
55	PHƯỜNG NAM ĐÔNG	103	99	-4	
56	PHƯỜNG TÂN HƯNG	115	114	-1	
57	PHƯỜNG THẠCH KHÔI	128	126	-2	
58	PHƯỜNG TỬ MINH	74	72	-2	
59	PHƯỜNG ÁI QUỐC	96	93	-3	
60	XÃ PHÚ THÁI	228	193	-35	
61	XÃ LAI KHÊ	212	206	-6	
62	XÃ AN THÀNH	120	120	0	
63	XÃ KIM THÀNH	194	195	1	
64	PHƯỜNG KINH MÔN	123	117	-6	
65	PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG	130	132	2	
66	PHƯỜNG TRẦN LIỄU	143	146	3	
67	PHƯỜNG BẮC AN PHỤ	110	109	-1	
68	PHƯỜNG PHẠM SƯ MẠNH	138	136	-2	
69	PHƯỜNG NHỊ CHIỀU	208	206	-2	
70	XÃ NAM AN PHỤ	130	129	-1	
71	XÃ THANH HÀ	150	145	-5	
72	XÃ HÀ TÂY	156	154	-2	
73	XÃ HÀ BẮC	143	140	-3	
74	XÃ HÀ NAM	117	114	-3	
75	XÃ HÀ ĐÔNG	148	146	-2	
76	XÃ THANH MIỆN	195	186	-9	
77	XÃ BẮC THANH MIỆN	112	113	1	
78	XÃ HẢI HƯNG	112	104	-8	
79	XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	156	151	-5	
80	XÃ NAM THANH MIỆN	134	128	-6	
81	PHƯỜNG CHU VĂN AN	167	161	-6	
82	PHƯỜNG CHÍ LINH	118	108	-10	
83	PHƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO	131	132	1	
84	PHƯỜNG NGUYỄN TRÃI	78	76	-2	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
85	PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG	95	91	-4	
86	PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH	92	92	0	
87	XÃ GIA LỘC	211	204	-7	
88	XÃ YẾT KIÊU	168	164	-4	
89	XÃ GIA PHÚC	182	181	-1	
90	XÃ TRƯỜNG TÂN	155	152	-3	
91	XÃ TỨ KỲ	178	176	-2	
92	XÃ TÂN KỲ	205	201	-4	
93	XÃ ĐẠI SON	133	128	-5	
94	XÃ CHÍ MINH	151	148	-3	
95	XÃ LẠC PHƯƠNG	122	119	-3	
96	XÃ NGUYỄN GIÁP	117	110	-7	
97	XÃ NINH GIANG	158	150	-8	
98	XÃ VĨNH LẠI	160	156	-4	
99	XÃ KHÚC THỪA DỤ	149	138	-11	
100	XÃ TÂN AN	120	123	3	
101	XÃ HỒNG CHÂU	153	152	-1	
102	XÃ CẨM GIANG	152	146	-6	
103	XÃ TUỆ TĨNH	108	103	-5	
104	XÃ MAO ĐIỀN	182	155	-27	
105	XÃ CẨM GIÀNG	132	112	-20	
106	XÃ NAM SÁCH	163	162	-1	
107	XÃ THÁI TÂN	105	100	-5	
108	XÃ HỢP TIẾN	102	99	-3	
109	XÃ TRẦN PHÚ	182	175	-7	
110	XÃ AN PHÚ	154	137	-17	
111	XÃ KẼ SẮT	159	157	-2	
112	XÃ BÌNH GIANG	145	142	-3	
113	XÃ ĐƯỜNG AN	138	129	-9	
114	XÃ THƯỢNG HỒNG	113	109	-4	
II	TIỂU HỌC	17.401	16.385	-1.016	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
1	PHƯỜNG HỒNG BÀNG	421	411	-10	
2	PHƯỜNG HỒNG AN	242	235	-7	
3	PHƯỜNG NGÔ QUYỀN	284	280	-4	
4	PHƯỜNG GIA VIÊN	311	304	-7	
5	PHƯỜNG LÊ CHÂN	466	463	-3	
6	PHƯỜNG AN BIÊN	302	297	-5	
7	PHƯỜNG KIẾN AN	214	211	-3	
8	PHƯỜNG PHÙ LIỄN	226	220	-6	
9	PHƯỜNG HẢI AN	326	322	-4	
10	PHƯỜNG ĐÔNG HẢI	156	144	-12	
11	PHƯỜNG ĐỒ SƠN	96	93	-3	
12	PHƯỜNG NAM ĐỒ SƠN	106	99	-7	
13	PHƯỜNG DƯƠNG KINH	106	100	-6	
14	PHƯỜNG HÙNG ĐẠO	139	137	-2	
15	PHƯỜNG AN DƯƠNG	311	307	-4	
16	PHƯỜNG AN HẢI	172	169	-3	
17	PHƯỜNG AN PHONG	150	147	-3	
18	PHƯỜNG THỦY NGUYÊN	252	235	-17	
19	PHƯỜNG THIÊN HƯƠNG	164	152	-12	
20	PHƯỜNG HÒA BÌNH	191	183	-8	
21	PHƯỜNG NAM TRIỆU	137	122	-15	
22	PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG	187	165	-22	
23	PHƯỜNG LƯU KIỂM	188	178	-10	
24	PHƯỜNG LÊ ÍCH MỘC	201	186	-15	
25	XÃ VIỆT KHÊ	139	128	-11	
26	XÃ KIẾN THỤY	163	164	1	
27	XÃ KIẾN MINH	101	97	-4	
28	XÃ KIẾN HẢI	156	133	-23	
29	XÃ KIẾN HƯNG	110	104	-6	
30	XÃ NGHI DƯƠNG	94	90	-4	
31	XÃ AN LÃO	188	187	-1	
33	XÃ AN HƯNG	98	98	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
32	XÃ AN KHÁNH	141	137	-4	
34	XÃ AN QUANG	114	107	-7	
35	XÃ AN TRƯỜNG	115	118	3	
36	XÃ TIÊN LÃNG	172	162	-10	
37	XÃ QUYẾT THẮNG	86	77	-9	
38	XÃ TÂN MINH	135	134	-1	
39	XÃ TIÊN MINH	137	124	-13	
40	XÃ CHẤN HƯNG	111	91	-20	
41	XÃ HÙNG THẮNG	101	96	-5	
42	XÃ VĨNH BẢO	183	162	-21	
43	XÃ NGUYỄN BÌNH KHIÊM	66	72	6	
44	XÃ VĨNH AM	139	111	-28	
45	XÃ VĨNH HẢI	130	119	-11	
46	XÃ VĨNH HÒA	132	93	-39	
47	XÃ VĨNH THỊNH	73	94	21	
48	XÃ VĨNH THUẬN	116	101	-15	
49	ĐẶC KHU CÁT HẢI	178	145	-33	
50	ĐẶC KHU BẠCH LONG VĨ	8	7	-1	
51	PHƯỜNG HẢI DƯƠNG	186	175	-11	
52	PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ	375	364	-11	
53	PHƯỜNG VIỆT HÒA	151	137	-14	
54	PHƯỜNG THÀNH ĐÔNG	191	180	-11	
55	PHƯỜNG NAM ĐÔNG	100	89	-11	
56	PHƯỜNG TÂN HƯNG	123	116	-7	
57	PHƯỜNG THẠCH KHÔI	133	127	-6	
58	PHƯỜNG TỬ MINH	103	99	-4	
59	PHƯỜNG ÁI QUỐC	84	73	-11	
60	XÃ PHÚ THÁI	196	184	-12	
61	XÃ LAI KHÊ	173	156	-17	
62	XÃ AN THÀNH	112	108	-4	
63	XÃ KIM THÀNH	176	164	-12	
64	PHƯỜNG KINH MÔN	105	100	-5	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
65	PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG	117	117	0	
66	PHƯỜNG TRẦN LIỄU	113	109	-4	
67	PHƯỜNG BẮC AN PHỤ	92	91	-1	
68	PHƯỜNG PHẠM SƯ MẠNH	112	102	-10	
69	PHƯỜNG NHỊ CHIỂU	191	183	-8	
70	XÃ NAM AN PHỤ	105	103	-2	
71	XÃ THANH HÀ	147	136	-11	
72	XÃ HÀ TÂY	147	142	-5	
73	XÃ HÀ BẮC	143	141	-2	
74	XÃ HÀ NAM	109	102	-7	
75	XÃ HÀ ĐÔNG	135	126	-9	
76	XÃ THANH MIỆN	177	164	-13	
77	XÃ BẮC THANH MIỆN	102	101	-1	
78	XÃ HẢI HƯNG	106	98	-8	
79	XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	139	127	-12	
80	XÃ NAM THANH MIỆN	126	117	-9	
81	PHƯỜNG CHU VĂN AN	196	188	-8	
82	PHƯỜNG CHÍ LINH	110	96	-14	
83	PHƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO	119	118	-1	
84	PHƯỜNG NGUYỄN TRÃI	73	69	-4	
85	PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG	84	78	-6	
86	PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH	85	79	-6	
87	XÃ GIA LỘC	192	186	-6	
88	XÃ YẾT KIÊU	150	138	-12	
89	XÃ GIA PHÚC	155	146	-9	
90	XÃ TRƯỜNG TÂN	136	115	-21	
91	XÃ TỬ KỲ	157	145	-12	
92	XÃ TÂN KỲ	171	159	-12	
93	XÃ ĐẠI SƠN	133	121	-12	
94	XÃ CHÍ MINH	137	123	-14	
95	XÃ LẠC PHƯƠNG	121	105	-16	
96	XÃ NGUYỄN GIÁP	109	101	-8	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
97	XÃ NINH GIANG	152	149	-3	
98	XÃ VĨNH LẠI	166	166	0	
99	XÃ KHÚC THỪA DỤ	141	132	-9	
100	XÃ TÂN AN	113	100	-13	
101	XÃ HỒNG CHÂU	153	146	-7	
102	XÃ CẨM GIANG	139	128	-11	
103	XÃ TUỆ TĨNH	107	97	-10	
104	XÃ MAO ĐIỀN	197	166	-31	
105	XÃ CẨM GIÀNG	129	105	-24	
106	XÃ NAM SÁCH	149	144	-5	
107	XÃ THÁI TÂN	84	79	-5	
108	XÃ HỢP TIẾN	87	80	-7	
109	XÃ TRẦN PHÚ	147	149	2	
110	XÃ AN PHÚ	143	126	-17	
111	XÃ KẼ SẶT	182	169	-13	
112	XÃ BÌNH GIANG	139	130	-9	
113	XÃ ĐƯỜNG AN	134	110	-24	
114	XÃ THUẬN HỒNG	108	100	-8	
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ, TH&THCS	14.677	13.534	-1.143	
1	PHƯỜNG HỒNG BÀNG	299	293	-6	
2	PHƯỜNG HỒNG AN	191	187	-4	
3	PHƯỜNG NGÔ QUYỀN	206	204	-2	
4	PHƯỜNG GIA VIÊN	254	250	-4	
5	PHƯỜNG LÊ CHÂN	469	469	0	
6	PHƯỜNG AN BIÊN	249	250	1	
7	PHƯỜNG KIẾN AN	165	163	-2	
8	PHƯỜNG PHÙ LIỄN	186	181	-5	
9	PHƯỜNG HẢI AN	268	268	0	
10	PHƯỜNG ĐÔNG HẢI	127	128	1	
11	PHƯỜNG ĐỒ SƠN	86	81	-5	
12	PHƯỜNG NAM ĐỒ SƠN	77	72	-5	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
13	PHƯỜNG DƯƠNG KINH	92	85	-7	
14	PHƯỜNG HÙNG ĐẠO	107	103	-4	
15	PHƯỜNG AN DƯƠNG	274	262	-12	
16	PHƯỜNG AN HẢI	120	113	-7	
17	PHƯỜNG AN PHONG	121	119	-2	
18	PHƯỜNG THỦY NGUYÊN	226	219	-7	
19	PHƯỜNG THIÊN HƯƠNG	137	132	-5	
20	PHƯỜNG HÒA BÌNH	153	151	-2	
21	PHƯỜNG NAM TRIỆU	122	116	-6	
22	PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG	162	156	-6	
23	PHƯỜNG LƯU KIỂM	153	150	-3	
24	PHƯỜNG LÊ ÍCH MỘC	167	160	-7	
25	XÃ VIỆT KHÊ	123	122	-1	
26	XÃ KIẾN THỤY	152	138	-14	
27	XÃ KIẾN MINH	87	85	-2	
28	XÃ KIẾN HẢI	136	126	-10	
29	XÃ KIẾN HƯNG	94	90	-4	
30	XÃ NGHI DƯƠNG	89	89	0	
31	XÃ AN LÃO	158	152	-6	
32	XÃ AN HƯNG	92	88	-4	
33	XÃ AN KHÁNH	123	121	-2	
34	XÃ AN QUANG	102	98	-4	
35	XÃ AN TRƯỜNG	95	89	-6	
36	XÃ TIÊN LÃNG	134	135	1	
37	XÃ QUYẾT THẮNG	76	69	-7	
38	XÃ TÂN MINH	111	104	-7	
39	XÃ TIÊN MINH	102	100	-2	
40	XÃ CHẤN HƯNG	84	76	-8	
41	XÃ HÙNG THẮNG	75	70	-5	
42	XÃ VĨNH BẢO	143	136	-7	
43	XÃ NGUYỄN BÌNH KHIÊM	112	64	-48	
44	XÃ VĨNH AM	50	86	36	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
45	XÃ VĨNH HẢI	98	101	3	
46	XÃ VĨNH HÒA	64	59	-5	
47	XÃ VĨNH THỊNH	86	75	-11	
48	XÃ VĨNH THUẬN	108	78	-30	
49	ĐẶC KHU CÁT HẢI	201	192	-9	
50	PHƯỜNG HẢI DƯƠNG	155	147	-8	
51	PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ	313	306	-7	
52	PHƯỜNG VIỆT HÒA	111	96	-15	
53	PHƯỜNG THÀNH ĐÔNG	134	126	-8	
54	PHƯỜNG NAM ĐÔNG	73	56	-17	
55	PHƯỜNG TÂN HƯNG	94	91	-3	
56	PHƯỜNG THẠCH KHÔI	109	98	-11	
57	PHƯỜNG TỬ MINH	114	102	-12	
58	PHƯỜNG ÁI QUỐC	65	50	-15	
59	XÃ PHÚ THÁI	168	145	-23	
60	XÃ LAI KHÊ	143	117	-26	
61	XÃ AN THÀNH	91	83	-8	
62	XÃ KIM THÀNH	140	125	-15	
63	PHƯỜNG KINH MÔN	103	88	-15	
64	PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG	103	92	-11	
65	PHƯỜNG TRẦN LIỄU	91	85	-6	
66	PHƯỜNG BẮC AN PHỤ	76	71	-5	
67	PHƯỜNG PHẠM SƯ MẠNH	90	77	-13	
68	PHƯỜNG NHỊ CHIỀU	154	150	-4	
69	XÃ NAM AN PHỤ	90	86	-4	
70	XÃ THANH HÀ	147	133	-14	
71	XÃ HÀ TÂY	110	96	-14	
72	XÃ HÀ BẮC	115	106	-9	
73	XÃ HÀ NAM	93	76	-17	
74	XÃ HÀ ĐÔNG	108	97	-11	
75	XÃ THANH MIỆN	172	155	-17	
76	XÃ BẮC THANH MIỆN	81	79	-2	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
77	XÃ HẢI HƯNG	90	76	-14	
78	XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	108	97	-11	
79	XÃ NAM THANH MIỆN	108	93	-15	
80	PHƯỜNG CHU VĂN AN	153	140	-13	
81	PHƯỜNG CHÍ LINH	99	86	-13	
82	PHƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO	141	135	-6	
83	PHƯỜNG NGUYỄN TRÃI	61	54	-7	
84	PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG	82	70	-12	
85	PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH	75	61	-14	
86	XÃ GIA LỘC	178	162	-16	
87	XÃ YẾT KIỆU	133	110	-23	
88	XÃ GIA PHÚC	139	112	-27	
89	XÃ TRƯỜNG TÂN	115	99	-16	
90	XÃ TÚ KỲ	159	147	-12	
91	XÃ TÂN KỲ	146	127	-19	
92	XÃ ĐẠI SƠN	97	84	-13	
93	XÃ CHÍ MINH	96	77	-19	
94	XÃ LẠC PHƯỢNG	102	81	-21	
95	XÃ NGUYỄN GIÁP	90	71	-19	
96	XÃ NINH GIANG	151	137	-14	
97	XÃ VĨNH LẠI	135	135	0	
98	XÃ KHÚC THỪA DỤ	123	113	-10	
99	XÃ TÂN AN	104	84	-20	
100	XÃ HỒNG CHÂU	129	122	-7	
101	XÃ CẨM GIANG	121	98	-23	
102	XÃ TUỆ TĨNH	91	76	-15	
103	XÃ MAO ĐIỀN	148	121	-27	
104	XÃ CẨM GIÀNG	108	77	-31	
105	XÃ NAM SÁCH	155	134	-21	
106	XÃ THÁI TÂN	73	58	-15	
107	XÃ HỢP TIẾN	72	62	-10	
108	XÃ TRẦN PHÚ	126	101	-25	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
109	XÃ AN PHÚ	119	99	-20	
110	XÃ KẼ SẮT	148	124	-24	
111	XÃ BÌNH GIANG	110	99	-11	
112	XÃ ĐƯỜNG AN	146	146	0	
113	XÃ THƯỢNG HỒNG	97	78	-19	
B	TRẠM Y TẾ	3.071	2.995	-76	
1	PHƯỜNG HỒNG BÀNG	63	59	-4	
2	PHƯỜNG HỒNG AN	37	31	-6	
3	PHƯỜNG NGÔ QUYỀN	45	45	0	
4	PHƯỜNG GIA VIÊN	47	47	0	
5	PHƯỜNG LÊ CHÂN	61	61	0	
6	PHƯỜNG AN BIÊN	54	54	0	
7	PHƯỜNG KIẾN AN	41	30	-11	
8	PHƯỜNG PHÙ LIỄN	29	24	-5	
9	PHƯỜNG HẢI AN	37	37	0	
10	PHƯỜNG ĐÔNG HẢI	24	25	1	
11	PHƯỜNG ĐỒ SƠN	23	24	1	
12	PHƯỜNG NAM ĐỒ SƠN	20	21	1	
13	PHƯỜNG DƯƠNG KINH	20	20	0	
14	PHƯỜNG HÙNG ĐẠO	22	20	-2	
15	PHƯỜNG AN DƯƠNG	44	37	-7	
16	PHƯỜNG AN HẢI	31	25	-6	
17	PHƯỜNG AN PHONG	26	23	-3	
18	PHƯỜNG THỦY NGUYÊN	52	46	-6	
19	PHƯỜNG THIÊN HƯƠNG	33	33	0	
20	PHƯỜNG HÒA BÌNH	37	35	-2	
21	PHƯỜNG NAM TRIỆU	30	28	-2	
22	PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG	36	32	-4	
23	PHƯỜNG LƯU KIỂM	35	34	-1	
24	PHƯỜNG LÊ ÍCH MỘC	40	40	0	
25	XÃ VIỆT KHÊ	31	30	-1	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
26	XÃ KIẾN THỤY	35	35	0	
27	XÃ KIẾN MINH	23	24	1	
28	XÃ KIẾN HẢI	27	27	0	
29	XÃ KIẾN HƯNG	21	22	1	
30	XÃ NGHI DƯƠNG	20	21	1	
31	XÃ AN LÃO	33	33	0	
32	XÃ AN HƯNG	21	20	-1	
33	XÃ AN KHÁNH	21	22	1	
34	XÃ AN QUANG	24	25	1	
35	XÃ AN TRƯỜNG	24	25	1	
36	XÃ TIÊN LÃNG	30	30	0	
37	XÃ QUYẾT THẮNG	21	21	0	
38	XÃ TÂN MINH	24	25	1	
39	XÃ TIÊN MINH	34	29	-5	
40	XÃ CHẤN HƯNG	26	27	1	
41	XÃ HÙNG THẮNG	16	16	0	
42	XÃ VĨNH BẢO	37	33	-4	
43	XÃ NGUYỄN BÌNH KHIÊM	21	22	1	
44	XÃ VĨNH AM	32	30	-2	
45	XÃ VĨNH HẢI	38	34	-4	
46	XÃ VĨNH HÒA	26	25	-1	
47	XÃ VĨNH THỊNH	22	20	-2	
48	XÃ VĨNH THUẬN	23	21	-2	
49	ĐẶC KHU CÁT HẢI	83	66	-17	
50	PHƯỜNG HẢI DƯƠNG	26	27	1	
51	PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ	28	28	0	
52	PHƯỜNG VIỆT HÒA	18	19	1	
53	PHƯỜNG THÀNH ĐÔNG	29	29	0	
54	PHƯỜNG NAM ĐÔNG	15	16	1	
55	PHƯỜNG TÂN HƯNG	16	16	0	
56	PHƯỜNG THẠCH KHÔI	18	18	0	
57	PHƯỜNG TỬ MINH	10	11	1	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+/-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
58	PHƯỜNG ÁI QUỐC	13	12	-1	
59	XÃ PHÚ THÁI	31	28	-3	
60	XÃ LAI KHÊ	28	26	-2	
61	XÃ AN THÀNH	21	20	-1	
62	XÃ KIM THÀNH	31	31	0	
63	PHƯỜNG KINH MÔN	18	17	-1	
64	PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG	18	17	-1	
65	PHƯỜNG TRẦN LIỄU	19	19	0	
66	PHƯỜNG BẮC AN PHỤ	20	21	1	
67	PHƯỜNG PHẠM SƯ MẠNH	18	19	1	
68	PHƯỜNG NHỊ CHIỂU	28	28	0	
69	XÃ NAM AN PHỤ	21	21	0	
70	XÃ THANH HÀ	26	27	1	
71	XÃ HÀ TÂY	24	24	0	
72	XÃ HÀ BẮC	25	26	1	
73	XÃ HÀ NAM	25	26	1	
74	XÃ HÀ ĐÔNG	24	25	1	
75	XÃ THANH MIỆN	26	26	0	
76	XÃ BẮC THANH MIỆN	17	18	1	
77	XÃ HẢI HƯNG	19	20	1	
78	XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	23	22	-1	
79	XÃ NAM THANH MIỆN	23	23	0	
80	PHƯỜNG CHU VĂN AN	25	26	1	
81	PHƯỜNG CHÍ LINH	18	18	0	
82	PHƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO	19	20	1	
83	PHƯỜNG NGUYỄN TRÃI	17	18	1	
84	PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG	19	19	0	
85	PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH	18	19	1	
86	XÃ GIA LỘC	30	29	-1	
87	XÃ YẾT KIÊU	26	27	1	
88	XÃ GIA PHÚC	31	30	-1	
89	XÃ TRƯỜNG TÂN	26	26	0	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
90	XÃ TỨ KỲ	28	27	-1	
91	XÃ TÂN KỲ	27	27	0	
92	XÃ ĐẠI SON	20	21	1	
93	XÃ CHÍ MINH	23	23	0	
94	XÃ LẠC PHƯỢNG	22	22	0	
95	XÃ NGUYỄN GIÁP	20	21	1	
96	XÃ NINH GIANG	35	34	-1	
97	XÃ VĨNH LẠI	31	31	0	
98	XÃ KHÚC THỪA DỤ	28	28	0	
99	XÃ TÂN AN	24	25	1	
100	XÃ HỒNG CHÂU	31	29	-2	
101	XÃ CẨM GIANG	23	24	1	
102	XÃ TUỆ TĨNH	19	20	1	
103	XÃ MAO ĐIỀN	25	26	1	
104	XÃ CẨM GIÀNG	20	21	1	
105	XÃ NAM SÁCH	23	24	1	
106	XÃ THÁI TÂN	18	17	-1	
107	XÃ HỢP TIẾN	20	21	1	
108	XÃ TRẦN PHÚ	26	27	1	
109	XÃ AN PHÚ	27	27	0	
110	XÃ KẼ SẮT	30	29	-1	
111	XÃ BÌNH GIANG	24	23	-1	
112	XÃ ĐƯỜNG AN	22	23	1	
113	XÃ THƯỢNG HỒNG	18	19	1	
C	TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG CẤP XÃ	711	824	113	
1	PHƯỜNG HỒNG BÀNG	5	11	6	
2	PHƯỜNG HỒNG AN	7	10	3	
3	PHƯỜNG NGÔ QUYỀN	6	8	2	
4	PHƯỜNG GIA VIÊN	5	6	1	
5	PHƯỜNG LÊ CHÂN	6	8	2	
6	PHƯỜNG AN BIÊN	5	7	2	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
7	PHƯỜNG KIẾN AN	13	17	4	
8	PHƯỜNG PHÙ LIỄN	13	17	4	
9	PHƯỜNG HẢI AN	11	11	0	
10	PHƯỜNG ĐÔNG HẢI	9	10	1	
11	PHƯỜNG ĐỒ SƠN	15	16	1	
12	PHƯỜNG NAM ĐỒ SƠN	6	9	3	
13	PHƯỜNG DƯƠNG KINH	6	7	1	
14	PHƯỜNG HÙNG ĐẠO	5	0	-5	
15	PHƯỜNG AN DƯƠNG	7	8	1	
16	PHƯỜNG AN HẢI	6	8	2	
17	PHƯỜNG AN PHONG	5	6	1	
18	PHƯỜNG THỦY NGUYÊN	20	19	-1	
19	PHƯỜNG THIÊN HƯƠNG	7	7	0	
20	PHƯỜNG HÒA BÌNH	7	7	0	
21	PHƯỜNG NAM TRIỆU	7	7	0	
22	PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG	7	0	-7	
23	PHƯỜNG LƯU KIỂM	7	7	0	
24	PHƯỜNG LÊ ÍCH MỘC	6	6	0	
25	XÃ VIỆT KHÊ	7	7	0	
26	XÃ KIẾN THỤY	8	9	1	
27	XÃ KIẾN MINH	5	0	-5	
28	XÃ KIẾN HẢI	7	7	0	
29	XÃ KIẾN HƯNG	8	0	-8	
30	XÃ NGHI DƯƠNG	5	0	-5	
31	XÃ AN LÃO	12	12	0	
32	XÃ AN HUNG	5	6	1	
33	XÃ AN KHÁNH	6	7	1	
34	XÃ AN QUANG	7	7	0	
35	XÃ AN TRƯỜNG	5	6	1	
36	XÃ TIÊN LÃNG	7	7	0	
37	XÃ QUYẾT THẮNG	5	7	2	
38	XÃ TÂN MINH	5	6	1	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
39	XÃ TIỀN MINH	5	7	2	
40	XÃ CHẤN HƯNG	6	7	1	
41	XÃ HÙNG THẮNG	5	7	2	
42	XÃ VĨNH BẢO	5	7	2	
43	XÃ NGUYỄN BÌNH KHIÊM	5	7	2	
44	XÃ VĨNH AM	6	7	1	
45	XÃ VĨNH HẢI	5	7	2	
46	XÃ VĨNH HÒA	5	7	2	
47	XÃ VĨNH THỊNH	5	7	2	
48	XÃ VĨNH THUẬN	5	7	2	
49	ĐẶC KHU CÁT HẢI	22	20	-2	
50	ĐẶC KHU BẠCH LONG VĨ	9	9	0	
51	PHƯỜNG HẢI DƯƠNG	5	6	1	
52	PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ	8	8	0	
53	PHƯỜNG VIỆT HÒA	5	6	1	
54	PHƯỜNG THÀNH ĐÔNG	5	6	1	
55	PHƯỜNG NAM ĐỒNG	6	6	0	
56	PHƯỜNG TÂN HƯNG	6	6	0	
57	PHƯỜNG THẠCH KHÔI	6	6	0	
58	PHƯỜNG TỬ MINH	5	6	1	
59	PHƯỜNG ÁI QUỐC	5	6	1	
60	XÃ PHÚ THÁI	5	7	2	
61	XÃ LAI KHÊ	5	8	3	
62	XÃ AN THÀNH	6	7	1	
63	XÃ KIM THÀNH	7	7	0	
64	PHƯỜNG KINH MÔN	5	6	1	
65	PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG	5	6	1	
66	PHƯỜNG TRẦN LIỄU	5	6	1	
67	PHƯỜNG BẮC AN PHỤ	5	6	1	
68	PHƯỜNG PHẠM SƯ MẠNH	6	6	0	
69	PHƯỜNG NHỊ CHIỂU	5	6	1	
70	XÃ NAM AN PHỤ	5	7	2	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
71	XÃ THANH HÀ	6	7	1	
72	XÃ HÀ TÂY	5	7	2	
73	XÃ HÀ BẮC	6	7	1	
74	XÃ HÀ NAM	5	7	2	
75	XÃ HÀ ĐÔNG	5	7	2	
76	XÃ THANH MIỆN	5	7	2	
77	XÃ BẮC THANH MIỆN	5	7	2	
78	XÃ HẢI HƯNG	5	7	2	
79	XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẮNG	5	7	2	
80	XÃ NAM THANH MIỆN	5	7	2	
81	PHƯỜNG CHU VĂN AN	7	7	0	
82	PHƯỜNG CHÍ LINH	5	6	1	
83	PHƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO	7	7	0	
84	PHƯỜNG NGUYỄN TRÃI	5	6	1	
85	PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG	5	6	1	
86	PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH	5	5	0	
87	XÃ GIA LỘC	8	8	0	
88	XÃ YẾT KIÊU	5	7	2	
89	XÃ GIA PHÚC	5	7	2	
90	XÃ TRƯỜNG TÂN	5	7	2	
91	XÃ TỨ KỲ	5	7	2	
92	XÃ TÂN KỲ	5	7	2	
93	XÃ ĐẠI SON	5	7	2	
94	XÃ CHÍ MINH	5	6	1	
95	XÃ LẠC PHƯƠNG	5	7	2	
96	XÃ NGUYỄN GIÁP	5	7	2	
97	XÃ NINH GIANG	5	7	2	
98	XÃ VĨNH LẠI	7	7	0	
99	XÃ KHÚC THỪA DỤ	5	7	2	
100	XÃ TÂN AN	5	7	2	
101	XÃ HỒNG CHÂU	5	7	2	
102	XÃ CẨM GIANG	6	7	1	

STT	Tên địa phương, đơn vị	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN tạm giao năm 2026	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN giao năm 2026	Tăng, giảm số giao năm 2026 so với tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	B	1	3	4=3-1	5
103	XÃ TUỆ TĨNH	5	7	2	
104	XÃ MAO ĐIỀN	5	7	2	
105	XÃ CẨM GIÀNG	5	7	2	
106	XÃ NAM SÁCH	6	7	1	
107	XÃ THÁI TÂN	6	7	1	
108	XÃ HỢP TIỀN	5	7	2	
109	XÃ TRẦN PHÚ	5	7	2	
110	XÃ AN PHÚ	5	7	2	
111	XÃ KÊ SẮT	6	8	2	
112	XÃ BÌNH GIANG	5	7	2	
113	XÃ ĐƯỜNG AN	5	7	2	
114	XÃ THƯỢNG HỒNG	5	7	2	
D	SỰ NGHIỆP KHÁC	20	20	0	
1	Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ	5	5	0	
2	Ban Quản lý Cảng và khu neo tàu Bạch Long Vĩ	15	15	0	